

Bản án số: 17/2019/HS-ST

Ngày 15 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Huyền

Ông Hoàng Văn Thường

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Nhất - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quang Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Lù Thanh Tiến - Kiểm sát viên

Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên dự khuyết.

Ngày 15/11/2019 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã X, huyện Q, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2019/TLST-HS ngày 10/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HS ngày 01/11/2019 đối với bị cáo:

- Chưởng Văn T, sinh năm 1997, tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chưởng T, sinh năm 1975 và bà Nông Thị S, sinh năm 1975; Vợ: Đặng V sinh năm 1999; tiền án: Không ; tiền sự: Có 01 tiền sự: Bị cáo là người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã phường theo Quyết định số 83b/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang với thời hạn 03 tháng kể từ ngày 30/5/2019; nhân thân: ... Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/7/2019, hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Q; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

+ Ông Chưởng Văn B, sinh năm 1966; trú tại: Thôn Ch, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn T, sinh năm 1987; trú tại: Thôn T, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

+ Chị Đặng V, sinh năm 1999; trú tại: Thôn N xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Chẳng Văn T là người nghiện ma túy nên khoảng 9 giờ 00 phút ngày 01/7/2019 T sang nhà Nguyễn T hỏi mượn xe mô tô của Nguyễn T để đi tìm mua ma túy về sử dụng. Khi T đi xe mô tô đến địa phận xã Xuân Giang, huyện Quang Bình thì T dùng điện thoại di động gọi điện từ số thuê bao 0843048611 đến số thuê bao 0912343142 của một người tên Hoàng Văn Q để hỏi mua ma túy và Q hướng dẫn T đi theo hướng về xã Tiên Yên thì sẽ gặp Q. T tiếp tục điều khiển xe máy theo hướng xã Xuân Giang đi xã Tiên Yên được khoảng 01 km đến địa phận thôn Mới, xã Xuân Giang, huyện Quang Bình thì thấy 01 xe ô tô màu trắng loại KIA Morning biển kiểm soát 19 còn các số sau không nhớ đang dừng đỗ ở lề bên phải đường, T đi đến phía cửa lái thì thấy cửa kính mở, nhìn vào bên trong chỉ có một mình Q, T đưa cho Q 500.000 đồng, Q cầm tiền và đưa cho T 01 gói ma túy lớp ngoài cùng được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ ngang, Tiềm cầm lấy và cất giấu vào túi quần bên trái rồi điều khiển xe máy quay về, khi về đến địa phận giáp ranh giữa xã Xuân Giang và xã Yên Hà thuộc địa phận thôn Tịnh, xã Xuân Giang, huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang thì bị tổ công tác công an huyện Q bắt quả tang, kiểm tra trong túi quần bên trái của T có 01 gói nhỏ lớp ngoài cùng và lớp thứ hai được gói bằng 02 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ ngang, lớp thứ ba gói bằng mảnh nilon màu xanh, lớp thứ tư được gói bằng mảnh giấy bạc màu vàng bên trong có chứa 2 cục nhỏ chất bột màu trắng ngà nghi là chất ma túy Heroin, tiến hành cân tịnh chất bột màu trắng ngà có khối lượng 0,31 gam.

Tại bản kết luận số 244/KL-PC 09 ngày 09/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Chất bột màu trắng ngà thu giữ của Chẳng Văn T gửi giám định là chất ma túy, loại ma túy Heroin, nằm trong danh mục I, STT: 9, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 09/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Chẳng Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 điều 249 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 điều 249 của Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Chẳng Văn T từ 14 đến 18 tháng tù;

Về vật chứng và nghĩa vụ chịu án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với đề nghị của Viện Kiểm sát về tội danh, mức hình phạt. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Q trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, sơ đồ hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ các chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 9 giờ 00 phút ngày 01/7/2019 Chưởng Văn T sử dụng xe máy nhãn hiệu HONDA loại Wave đi từ thôn Chàng Sát, xã Yên Hà, huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang đến thôn Mới, xã Xuân Giang, huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang dùng số tiền 500.000 đồng để mua 01 gói nhỏ ma túy, loại ma túy Heroin có trọng lượng 0,31 gam của một người tên Q về để sử dụng. Sau khi mua được ma túy thì T cất giấu gói ma túy ở trong túi quần bên trái của mình rồi điều khiển xe máy đi về đến địa phận thôn Tịnh, xã Xuân Giang, huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang thì bị tổ công tác Công an huyện Q bắt quả tang T đang tàng trữ trái phép chất ma túy trong người. Do vậy hành vi trên của bị cáo T đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Như vậy cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về chế độ quản lý các chất ma túy, đe dọa nghiêm trọng đến an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của con người, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống kinh tế, xã hội, là nguyên nhân dẫn đến số người nghiện trong xã hội ngày càng gia tăng và là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm nghiêm trọng khác như trộm cắp, giết người, cướp tài sản. Bị cáo nhận thức được ma túy là chất cấm sử dụng, là chất có hại cho sức khỏe của con người, gây giảm sút về kinh tế và là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác nhưng khi bị nghiện ma túy bị cáo đã không chịu đi cai nghiện, đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường do nghiện ma túy, bị cáo không có tiến bộ, không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân mà còn tiếp tục mua hêrôin về sử dụng, bị cáo nhận thức được rằng hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng để thỏa mãn cơn nghiện của mình bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, cần phải xử lý nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời

gian để giáo dục cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

Song tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo là người lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng và thu nhập chỉ đủ cho sinh hoạt hàng ngày của bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận ngày 01/7/2019 T mua ma túy của Hoàng Văn Q trú tại thôn K, xã X, huyện Q, tỉnh Hà Giang, việc T đi mua ma túy là do anh Nguyễn T trú tại thôn T, xã Y, huyện Q nhờ bị cáo đi mua và số tiền 500.000 đồng là do anh Vũ N đưa cho bị cáo. Ngoài lần mua ma túy ngày 01/7/2019 ra, trước đó bị cáo đã có 3 lần mua ma túy của Q về sử dụng. Tại kết quả tra lits điện thoại do cơ quan Viễn thông Hà Giang cung cấp ngày 01/7/2019 số thuê bao 0843048611 của bị cáo T có liên lạc 01 lần với số thuê bao 0912343142 của Hoàng Văn Q nhưng hiện nay Hoàng Văn Q không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu và làm gì nên chưa có đủ căn cứ để kết luận Hoàng Văn Q là người đã bán ma túy cho T. Quá trình điều tra cơ quan điều tra Công an huyện Q đã tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau. Vì vậy tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử không xem xét đến.

Tại cơ quan điều tra anh Nguyễn T khai anh không bảo con gái của mình là cháu Nguyễn Tuyết Nh sang gọi T, không được bảo T đi mua ma túy, không được gọi điện cho Hoàng Văn Q. Sáng ngày 01/7/2019 anh Nguyễn T đi phun thuốc cam, sau khi đi phun thuốc cam về anh Nguyễn T đang ở trên nhà thì nghe thấy tiếng của T ở dưới hỏi mượn xe máy, Nguyễn T đồng ý cho mượn, còn T sử dụng xe máy đi về việc gì thì Nguyễn T không biết. Tại kết quả tra lits điện thoại do cơ quan Viễn thông Hà Giang cung cấp từ tháng 5/2019 đến ngày 01/7/2019 số thuê bao 0915580414 của Nguyễn T đã có liên lạc qua lại nhiều lần với số thuê bao 0912343142 của Hoàng Văn Q. Nguyễn T khai do anh Q có xe ô tô chạy taxi nên Nguyễn T đã có vài lần gọi điện cho Q để đi taxi và cũng có lần gọi Q đi uống bia. Còn sáng ngày 01/7/2019 Nguyễn T đi phun cam để điện thoại ở nhà nên ai gọi điện vào số điện thoại của Q thì Nguyễn T không biết. Cháu Nguyễn Tuyết Nh khai không được bố nhờ đi gọi T và không được gặp T. Quá trình điều tra không đủ căn cứ để kết luận Nguyễn T là người nhờ T đi mua ma túy. Đối với Vũ N khai ngày 01/7/2019 anh N ở nhà trông con, không gặp Chắt T và Nguyễn T, không có việc N đưa 500.000 đồng cho T đi mua ma túy. Quá trình điều tra không đủ căn cứ để kết luận Vũ N đưa tiền cho T đi mua ma túy. Vì vậy tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[4] Về vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave S, màu đỏ, biển kiểm soát 23E1- 06474 là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Chắt Văn B, anh B không biết

việc T sử dụng chiếc xe để đi mua ma túy. Quá trình điều tra cơ quan công an đã trao trả cho chủ sở hữu vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét đến.

- 0,30 gam ma túy còn lại sau khi giám định được gói trong 01 gói nhỏ gồm 4 lớp, lớp ngoài cùng và lớp thứ hai được gói bằng 02 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ ngang, kích thước của mỗi mảnh giấy là 05 x 06 cm, lớp thứ ba gói bằng mảnh nilon màu xanh không rõ hình, lớp thứ tư được gói bằng mảnh giấy bạc màu vàng kích thước 03 x 03 cm được niêm phong trong 01 phong bì giấy dán kín, là chất cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6 vỏ màu vàng có số Seri DNPPCYNWG5MF, điện thoại có gắn thẻ sim Vinaphone trên thẻ sim có dãy số 898402000, 10743266470, điện thoại màn hình cảm ứng cũ đã qua sử dụng được dán niêm phong trong một phong bì giấy. Đây là chiếc điện thoại thuộc quyền sở hữu của chị Đặng V, bị cáo đã lấy và sử dụng để liên lạc trong quá trình mua ma túy, chị V không biết việc bị cáo T sử dụng điện thoại của mình để liên lạc đi mua ma túy, vì vậy cần xem xét trả lại cho chị V theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 5 vỏ màu vàng có số IMEI 015551001366868, điện thoại màn hình cảm ứng cũ đã qua sử dụng, không hoạt động được, điện thoại được dán niêm phong trong một phong bì giấy. Đây là chiếc điện thoại thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn T, quá trình điều tra cơ quan công an đã thu giữ để mở rộng điều tra vụ án, xét thấy chiếc điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T, vì vậy cần xem xét trả lại cho anh Nguyễn T theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A33 vỏ màu trắng có số IMEI 1:863442030492813; số IMEI 2: 866344203049805, điện thoại màn hình cảm ứng cũ đã qua sử dụng, điện thoại có gắn 2 thẻ sim, 01 thẻ sim Vinaphone trên thẻ sim có dãy số 89840, 20001, 09007, 60349; 01 thẻ sim Viettel trên thẻ sim có dãy số 89840, 48000, 04401, 7960, điện thoại được dán niêm phong trong một phong bì giấy. Đây là chiếc điện thoại thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn T, quá trình điều tra cơ quan công an đã thu giữ để mở rộng điều tra vụ án, xét thấy chiếc điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T, vì vậy cần xem xét trả lại cho anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Chằng Văn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Chằng Văn T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 01/7/2019.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 0,30 gam ma túy Heroin được gói trong 01 gói nhỏ gồm 4 lớp, lớp ngoài cùng và lớp thứ hai được gói bằng 02 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ ngang, kích thước của mỗi mảnh giấy là 05 x 06 cm, lớp thứ ba gói bằng mảnh nilon màu xanh không rõ hình, lớp thứ tư được gói bằng mảnh giấy bạc màu vàng kích thước 03 x 03 cm được dán niêm phong trong 01 phong bì giấy.

- Trả lại cho chị Đặng V 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6 vỏ màu vàng có số Seri DNPPCYNWG5MF, điện thoại có gắn thẻ sim Vinaphone trên thẻ sim có dãy số 898402000, 10743266470, điện thoại màn hình cảm ứng cũ đã qua sử dụng được dán niêm phong trong một phong bì giấy.

- Trả lại cho anh Nguyễn T 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 5 vỏ màu vàng có số IMEI 015551001366868, điện thoại màn hình cảm ứng cũ đã qua sử dụng, không hoạt động được, được dán niêm phong trong một phong bì giấy; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A33 vỏ màu trắng có số IMEI 1: 863442030492813; số IMEI 2: 866344203049805, điện thoại màn hình cảm ứng cũ đã qua sử dụng, điện thoại có gắn 2 thẻ sim, 01 thẻ sim Vinaphone trên thẻ sim có dãy số 89840, 20001, 09007, 60349; 01 thẻ sim Viettet trên thẻ sim có dãy số 89840, 48000, 04401, 7960, điện thoại được dán niêm phong trong một phong bì giấy.

Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang ngày 09/10/2019.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố Tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo Chằng Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ, (*Hai trăm nghìn đồng*).

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp Hà Giang;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh;
- VKSND huyện Q;
- CA huyện Q;
- CCTHADS huyện Q;
- UBND Y;
- Bị cáo; người liên quan;
- Lưu hồ sơ, AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải Phương